

Số: /TTr-SGTVT

Bắc Ninh, ngày tháng 11 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng
Công trình: Sửa chữa đường ĐT.287 đoạn từ lý trình Km2+900 -
Km4+372,32 và tuyến nhánh giao với QL.1, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh**

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư Bắc Ninh.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung Luật xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội;

Căn cứ các Thông tư: Số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ GTVT quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ; số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018; số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công; số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí ĐTXD; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh Ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc giao dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2023;

Căn cứ Công văn số 751/UBND-XDCB ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc chấp thuận phân khai dự toán ngân sách nhà nước giao Sở Giao thông vận tải thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2023;

Căn cứ Công văn số 2532/SGTVT-QLCL ngày 14/11/2023 của Sở Giao thông vận tải về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Sửa chữa đường ĐT.287 đoạn từ lý trình Km2+900 - Km4+372,32 và tuyến nhánh giao với QL.1, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh kèm theo Hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Công ty Cổ phần tư vấn ĐTXD giao thông Bắc Ninh lập;

Căn cứ các chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước.

Sở Giao thông vận tải trình Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa đường ĐT.287 đoạn từ lý trình Km2+900 - Km4+372,32 và tuyến nhánh giao với QL.1, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh với các nội dung sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

1. Tên Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật công trình: Sửa chữa đường ĐT.287 đoạn từ lý trình Km2+900 - Km4+372,32 và tuyến nhánh giao với QL.1, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

2. Loại, nhóm dự án: Dự án nhóm C.

3. Loại và cấp công trình: Công trình giao thông; cấp công trình: Cấp III.

4. Người quyết định đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư Bắc Ninh (*theo Điểm b, Khoản 1, Điều 11 Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh*).

5. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh.

6. Địa điểm xây dựng: huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

7. Giá trị tổng mức đầu tư:

4.906.028.000 đồng (Đã bao gồm 8% thuế VAT)

(Bằng chữ: Bốn tỷ, chín trăm linh sáu triệu, không trăm hai mươi tám nghìn đồng).

8. Nguồn vốn đầu tư: Kinh phí sự nghiệp chi hoạt động kinh tế đường bộ năm 2023 (Ngân sách nhà nước).

9. Thời gian thực hiện: Năm 2023.

10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

10.1. Tiêu chuẩn khảo sát:

- TCCS 31:2020/TCĐBVN Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát;

- Các quy trình, quy phạm khảo sát có liên quan.

10.2. Tiêu chuẩn thiết kế, nghiệm thu

- QCVN 41:2019/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;

- TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 8791:2011 Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu;
- TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn- Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 7887:2018 Mànng phản quang dùng cho biển báo hiệu đường bộ;
- TCVN 13567-1:2022 Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường;
- TCCS 34:2020/TCĐBVN Giờ giảm tốc, gờ giảm tốc trên đường bộ - Yêu cầu thiết kế;
- TCCS 38:2022/TCĐBVN Áo đường mềm - Các yêu cầu và Chỉ dẫn thiết kế;

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật khác có liên quan.

11. Nhà thầu nhà thầu khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty Cổ phần tư vấn ĐTXD giao thông Bắc Ninh.

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

Chủ đầu tư cam kết có đủ điều kiện, năng lực để tổ chức quản lý dự án theo Điều 23 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021.

II. DANH MỤC CỦA HỒ SƠ GỬI KÈM:

1. Văn bản pháp lý:

- Công văn số 751/UBND-XDCB ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc chấp thuận phân khai dự toán ngân sách nhà nước giao Sở Giao thông vận tải thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2023;

- Công văn số 2532/SGTVT-QLCL ngày 14/11/2023 của Sở Giao thông vận tải về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình sửa chữa đường ĐT.287 đoạn từ lý trình Km2+900 – Km4+372,32 và tuyến nhánh giao với QL.1, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

2. Tài liệu khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng.
- Hồ sơ thiết kế xây dựng bao gồm Thuyết minh và bản vẽ thiết kế thi công;
- Hồ sơ Dự toán xây dựng.

3. Hồ sơ năng lực của Nhà thầu tư vấn (tổ chức, cá nhân tham gia):

- Thông tin năng lực của Công ty Cổ phần tư vấn ĐTXD giao thông Bắc Ninh:

+ Giấy đăng ký doanh nghiệp số 2300241842 đăng ký lần đầu ngày 01/04/2004; đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 13/7/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bắc Ninh cấp.

+ Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BAN-00001551 do Sở Xây dựng Bắc Ninh cấp ngày 07/8/2019; chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00001551 do Cục quản lý hoạt động xây dựng cấp ngày 21/3/2023 với lĩnh vực khảo sát xây dựng hạng I; thiết kế, thẩm tra thiết kế xây công trình giao

Địa chỉ cơ quan: Số 16 đường Nguyễn Phi Ý Lan, Phường Suối Hoa, Thành phố Bắc Ninh

Email: sgtvt@bacninh.gov.vn,

<http://sgtvt.bacninh.gov.vn>

thông đường bộ hạng I; tư vấn giám sát công trình giao thông đường bộ hạng I (có hiệu lực đến ngày 18/4/2029).

- Chứng chỉ hành nghề của các cá nhân tham gia lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật:

+ Chủ nhiệm khảo sát: Tạ Huy Chính, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BAN-00006890 do Sở Xây dựng Bắc Ninh cấp ngày 20/7/2020 ngày 10/11/2021 có giá trị đến ngày 20/7/2027.

+ Chủ nhiệm dự án: Nguyễn Thành Thịnh, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00006895 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng cấp ngày 10/11/2021 có giá trị đến ngày 10/11/2026.

+ Chủ trì thiết kế: Nguyễn Thế Bảo, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BAN-00145525 do Sở Xây dựng Bắc Ninh cấp ngày 29/6/2022 có giá trị đến ngày 29/6/2027.

+ Chủ trì Dự toán: Phạm Thanh Liêm, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00028146 do Cục quản lý hoạt động xây dựng cấp ngày 10/11/2021 có giá trị đến ngày 10/11/2026.

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH PHÊ DUYỆT

1. Mục tiêu đầu tư: Sửa chữa đường ĐT.287 đoạn từ lý trình Km2+900 – Km4+372,32 và tuyến nhánh giao với QL.1, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh phù hợp với quy mô đường hiện trạng nhằm bảo vệ, nâng cao tuổi thọ kết cấu áo đường cũ và khả năng khai thác công trình, đảm bảo an toàn giao thông.

2. Quy mô đầu tư xây dựng và các giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

2.1. Quy mô:

* Công trình gồm 01 tuyến chính và 02 tuyến nhánh, tổng chiều dài các tuyến $L = 216,86$ m, trong đó:

- Tuyến chính là tuyến đường đôi có dải phân cách giữa, có chiều dài $LC = 90,26$ m, trong đó:

+ Điểm đầu: Tại lý trình Km2+900 theo lý trình ĐT.287.

+ Điểm cuối làn bên phải: Tại lý trình Km2+990,26 theo lý trình ĐT.287.

+ Điểm cuối làn bên trái: Tại lý trình Km2+989,62 theo lý trình ĐT.287.

+ Mặt cắt ngang nền, mặt đường: Nền, mặt đường theo hiện trạng, $B_{mtb} = 27$ m; độ dốc ngang mặt đường $i = (1,5 \div 2,0)\%$.

- Tuyến Nhánh 01 có chiều dài $LN1 = 82,50$ m:

+ Điểm đầu: Tại lý trình Km0+00 theo lý trình của tuyến Nhánh 1 (giao với ĐT.287 tại lý trình Km2+902,64 bên trái tuyến)

+ Điểm cuối: Tại lý trình Km0+82,5 theo lý trình của tuyến Nhánh 1.

+ Mặt cắt ngang nền, mặt đường: Nền, mặt đường theo hiện trạng, $B_{mtb} = (5,67 \div 7,30)$ m; độ dốc ngang mặt đường $i = (1,5 \div 2)\%$.

- Tuyến Nhánh 02 có chiều dài $LN2 = 44,10$ m:

+ Điểm đầu: Tại lý trình Km0+00 theo lý trình của tuyến Nhánh 2 (giao với ĐT.287 tại lý trình Km2+972,17 bên phải tuyến)

+ Điểm cuối: Tại lý trình Km0+44,10 theo lý trình của tuyến Nhánh 2.

+ Mặt cắt ngang nền, mặt đường: Nền, mặt đường theo hiện trạng, $B_{mtb}=(5,67\div 7,30)m$; độ dốc ngang mặt đường $i=(1,5\div 2)\%$.

* Bình đồ hướng tuyến: Theo hướng tuyến hiện đang khai thác, sử dụng.

* Cao độ mặt đường đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế các công trình hiện hữu tuyến chạy qua.

2.2. Giải pháp thiết kế

2.2.1. Sửa chữa mặt đường: Trên cơ sở nền, mặt đường BTN cũ, tiến hành sửa chữa như sau:

a. Sửa chữa hư hỏng cục bộ mặt đường: Đối với những vị trí mặt đường bị nứt lười lớn mức độ vừa (đánh giá theo TCCS 07:2013/TCĐBVN):

- Cào bóc mặt đường BTN dày trung bình 7,0Cm.
- Tưới dính bám bằng nhựa đường nhũ tương tiêu chuẩn 0,5kg/m².
- Hoàn trả mặt đường bằng BTNC 19 dày 7,0Cm.

b. Bù vênh mặt đường cũ tạo độ dốc ngang mặt đường (Đối với những vị trí mặt đường bị vênh vồng có chiều sâu >2cm):

- Tưới dính bám bằng nhựa đường nhũ tương, tiêu chuẩn 0,5kg/m².
- Bù vênh mặt đường cũ bằng BTNC 19.

c. Thảm tăng cường toàn bộ mặt đường, với kết cấu như sau:

- Cào bóc mặt đường lớp BTN hiện trạng tạo độ dốc ngang mặt đường, dày trung bình 2,78cm;

- Tưới dính bám bằng nhựa đường nhũ tương, tiêu chuẩn 0,5kg/m² (đối với những vị trí đã được bù vênh mặt đường tưới dính bám bằng nhựa đường nhũ tương, tiêu chuẩn 0,3kg/m²).

- Thảm tăng cường mặt đường bằng BTNC 12,5 dày 5,0cm (đối với vị trí bù vênh có chiều dày $\leq 2cm$, bù vênh mặt đường cũ bằng BTNC 12,5 và thi công đồng thời với lớp thảm tăng cường).

d. Vuốt nối êm thuận tại điểm đầu, điểm cuối tuyến và các vị trí đường ngang dân sinh:

- Tưới dính bám trên mặt đường cũ bằng nhựa đường nhũ tương, tiêu chuẩn 0,5kg/m².

- Thảm lớp BTNC 12,5 dày trung bình 3,0cm, tại các vị trí giao nhau với đường ngang dân sinh.

- Thảm lớp BTNC 12,5 dày trung bình 5,0 Cm tại các vị trí khoảng trống dải phân cách giữa hai làn đường.

2.2.2. Hệ thống thoát nước:

2.2.2.1. Tại vị trí lề đường bên phải đoạn tuyến nhánh ra QL.1:

a) Cống thoát nước khẩu độ D800mm:

- Đào móng cống bằng máy đào, đất cấp III.
- Đệm móng cống bằng CPĐD loại I dày 10cm.
- Lắp đặt hệ thống cống tròn thoát nước khẩu độ D800mm, đốt cống dài 2,5m; lắp đặt trên gối kích thước (92x30x27)cm, bố trí 3 gối/ 1 đốt, liên kết giữa 2 đốt cống bằng Joint cao su.

- Đắp bù móng cống bằng đất tận dụng đầm chặt K90.
- b) Hồ ga thoát nước:
 - Đào móng hồ ga bằng máy đào, đất cấp III.
 - Đệm móng hồ ga bằng CPĐD loại I, dày 10cm.
 - BTXM móng hồ ga mác 150, đá 2x4, dày 15cm.
 - Xây hồ ga bằng gạch xi măng kích thước (6,5x10,5x22)cm, vữa xi măng M75.
 - Trát tường hồ ga, chiều dày lớp trát 2,0cm, vữa xi măng mác 75.
 - BTXM mũ mô hồ ga mác 250, đá 1x2.
 - Gia công, lắp đặt tấm đan hồ ga bằng BTCT, đồ BTXM M250, đá 1x2, kích thước (140x84x12)cm.
 - Đắp bù móng hồ ga bằng đất tận dụng đầm chặt K90.

2.2.2.2. *Tại vị trí lề đường bên phải tuyến ĐT.287 từ km2+984,13 đến km4+372,32:*

- a) Cống thoát nước khẩu độ D600mm:
 - Đào móng cống bằng máy đào, đất cấp III.
 - Đệm móng cống bằng CPĐD loại I dày 10cm.
 - Lắp đặt hệ thống cống tròn thoát nước khẩu độ D600mm, đốt cống dài 2,5m; lắp đặt trên gối kích thước (73x30x23,3)cm, bố trí 3 gối/ 1 đốt, liên kết giữa 2 đốt cống bằng Joint cao su.
 - Đắp bù móng cống bằng đất tận dụng đầm chặt K90.
 - b) Hồ ga thoát nước:
 - Đào móng hồ ga bằng máy đào, đất cấp III.
 - Đệm móng hồ ga bằng CPĐD loại I, dày 10cm.
 - BTXM móng hồ ga mác 150, đá 2x4, dày 15cm.
 - Xây hồ ga bằng gạch xi măng kích thước (6,5x10,5x22)cm, vữa XM mác 75.
 - Trát tường hồ ga, chiều dày lớp trát 2,0cm, vữa XM mác 75.
 - BTXM mũ mô hồ ga mác 250, đá 1x2.
 - Gia công, lắp đặt tấm đan hồ ga bằng BTCT, đồ BTXM mác 250, đá 1x2, kích thước (140x70x12)cm.
 - Đắp bù móng hồ ga bằng đất tận dụng đầm chặt K90.
 - c) Rãnh tam giác, cửa hồ thu và bó vỉa:
 - Rãnh tam giác bằng BTXM đúc sẵn mác 200, đá 1x2, kích thước (30x50x5)cm, trên lớp móng bằng BTXM mác 150 dày 10,0cm.
 - Lắp đặt bộ cửa hồ thu bằng BTXM đúc sẵn kích thước (100x77x48)cm, tấm song chắn rác bằng composite kích thước (96x53x6,5)cm.
 - Bó vỉa bằng BTXM đúc sẵn mác 200, đá 1x2, kích thước (23x26x100)cm, trên lớp móng bằng BTXM mác 150 dày 10,0cm.
- 2.2.3. *Hệ thống an toàn giao thông:*
- Sửa chữa, bổ sung hệ thống hộ lan bằng tôn lượn sóng dạng 2 tấm sóng,

kích thước (3.320x310x3)mm.

- Sau khi sửa chữa mặt đường, tiến hành sơn vạch kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt phản quang dày 2mm theo Quy chuẩn QCVN41:2019/BGTVT, sơn gờ giảm tốc dày 6mm theo TCCS 34:2020/TCĐBVN.

- Sửa chữa, bổ sung hệ thống biển báo hiệu đường bộ, theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN41:2019/BGTVT, với kết cấu cụ thể như sau:

+ Biển báo được làm bằng tôn mạ kẽm dày 2,5mm, dán màng phản quang loại III (tương đương 3M seri 3900); thân cột D90mm sử dụng ống thép mạ kẽm dày 2,5mm, dán màng phản quang trắng, đỏ loại III; móng cột sử dụng BTXM mác 150, đá 1x2; liên kết giữa cột và móng bằng mặt bích kích thước (200x200x8)mm, khung móng cột kích thước (155x155x400)mm.

- Bổ sung hệ thống đỉnh phản quang, kích thước (130x110x25)mm, khoảng cách 1m/đỉnh tại đầu dải phân cách giữa và đầu đảo nút giao tuyến nhánh ra QL.1.

2.2.4. *Đảm bảo giao thông trong quá trình thi công*: Bố trí biển cảnh báo, rào chắn thi công, người điều tiết cảnh báo giao thông trong quá trình thi công do đoạn tuyến thi công trên tuyến có lưu lượng xe lớn

3. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí và cơ sở xác định dự toán

4.906.028.000 đồng (Đã bao gồm 8% thuế VAT)

(Bằng chữ: Bốn tỷ, chín trăm linh sáu triệu, không trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	4.165.776.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	93.313.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	353.737.000 đồng.
- Chi phí khác:	59.582.000 đồng.
- Chi phí dự phòng:	233.620.000 đồng.

- Cơ sở lập dự toán, tổng mức đầu tư:

+ Phương pháp xác định tổng mức đầu tư: Tuân theo các quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; các Thông tư số 11/2021/TT-BXD; Thông tư số 12/2021/TT-BXD; Thông tư số 13/2021/TTBXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng và các quy định hiện hành.

+ Định mức của các công tác xây dựng được áp dụng trên cơ sở các Định mức dự toán xây dựng công trình phần xây dựng, sửa chữa, lắp đặt ban hành kèm theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.

+ Đơn giá nhân công, máy thi công tuân theo các quy định tại Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Quyết định số 486/QĐ-

UBND ngày 26/11/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc công bố Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, trong đó cập nhật giá nhiên liệu đến ngày 11/7/2023.

+ Giá các vật tư, vật liệu được xác định trên cơ sở Quyết định 549/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh về công bố đơn giá xây dựng tỉnh Bắc Ninh; công bố 09/2023/CBLS-XD-TC ngày 05/10/2023 của Liên Sở Xây dựng - Tài chính Bắc Ninh về việc công bố giá vật liệu đến hiện trường xây dựng khu vực trung tâm các huyện, thị xã và thành phố và các báo giá phù hợp mặt bằng thị trường; Chỉ số giá xây dựng - phần xây dựng ban hành theo Quyết định số 84/QĐ-SXD ngày 11/8/2023 của Sở Xây dựng Bắc Ninh; Giá xăng, dầu lấy theo Thông cáo báo chí số 34/2023/PLX-TCBC ngày 01/11/2023 của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (Petrolimex); Giá điện theo Quyết định số 1062/QĐ-BCT ngày 04/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định.

+ Thuế Giá trị gia tăng (VAT): Theo hướng dẫn tại Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội.

+ Lệ phí thẩm định dự án đầu tư theo Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023, Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ Tài chính.

IV. ĐÁNH GIÁ VỀ HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Sự phù hợp của thiết kế bản vẽ thi công với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận: Phù hợp với nội dung tại văn bản số 751/UBND-XDCB ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc chấp thuận phân khai dự toán ngân sách nhà nước giao Sở Giao thông vận tải thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2023.

2. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng: Phù hợp với các quy định hiện hành.

2.1. Về lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Phù hợp với nội dung và trình tự được quy định trong Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14; Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019; Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

2.2. Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng: Năng lực hoạt động của đơn vị tư vấn, năng lực hành nghề của các cá nhân tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật phù hợp với quy định hiện hành và đáp ứng được yêu cầu.

3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận; với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có): Báo cáo kinh tế - kỹ thuật được lập phù hợp với Nghị quyết số 178/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh về điều hành ngân sách cuối năm 2022; xây dựng dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2023; các quyết định của UBND tỉnh: Số 548/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 về việc giao dự toán Ngân sách nhà nước năm 2023; Kết luận số 694-KL/TU ngày 31/3/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc phân bổ, hỗ trợ kinh phí; Nghị quyết số 211/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND tỉnh về việc tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023; Phù hợp với pháp luật chuyên ngành: Điểm a, khoản 1, Điều 1 Thông tư 41/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 quy định: "*Nội dung bảo trì công trình đường bộ có thể bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau: kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng và sửa chữa công trình đường bộ; **bổ sung, thay thế** hạng mục, thiết bị để việc khai thác sử dụng công trình đường bộ đảm bảo an toàn nhưng không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô công trình*". Điểm d, khoản 3, Điều 1, Thông tư 41/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ Giao thông vận tải: "***Sửa chữa định kỳ** bao gồm sửa chữa hư hỏng công trình, hạng mục công trình đường bộ hoặc bổ sung, thay thế bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình bị hư hỏng được thực hiện định kỳ về thời hạn hoặc tần suất khai thác, sử dụng theo tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì được duyệt; sửa chữa, khắc phục điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông; **sửa chữa, bổ sung các hạng mục an toàn giao thông đường bộ***".

4. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình: Các tiêu chuẩn thiết kế phù hợp với quy định hiện hành.

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế với nhiệm vụ thiết kế.

- Đánh giá sự phù hợp của giải pháp thiết kế với nhiệm vụ thiết kế: Giải pháp thiết kế công trình đưa ra là hợp lý.

- Đánh giá khả năng chịu lực của kết cấu công trình: Công trình đảm bảo độ an toàn.

6. Về Tổng mức đầu tư:

a) Sự tuân thủ quy định pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng, phương pháp lập dự toán so với quy định hiện hành: Phù hợp với chế độ, chính sách hiện hành.

b) Sự phù hợp của khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế: Khối lượng đưa vào tính toán trong hồ sơ dự toán cơ bản phù hợp với khối lượng thiết kế.

c) Các cơ sở để xác định các khoản mục chi phí; tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng đơn giá xây dựng công trình, định mức chi phí tỷ lệ, dự toán chi phí tư vấn và dự toán các khoản chi phí khác trong dự toán xây dựng: Các định mức đơn giá trong dự toán phù hợp với chế độ, chính sách hiện hành.

d) Sự hợp lý của chi phí xây dựng (giải pháp thiết kế, nguồn vật liệu sử dụng, dây chuyền công nghệ thi công, ...): Đảm bảo tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, Sở Giao thông vận tải trình Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình sửa chữa đường ĐT.287 đoạn từ lý trình Km2+900 - Km4+372,32 và tuyến nhánh giao với QL.1, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Lưu: VT, QLHTGT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ngô Lương Pha